

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THẤT
T.P HÀ NỘI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 30/7/2020

V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THẤT, THÀNH PHỐ HÀ NỘI.**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- ***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*** Ông Khuất Đăng Cường.

- ***Các Hội thẩm nhân dân:***

+ Ông Bùi Đăng Lý

+ Bà Nguyễn Thị Loan

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ngọc Liên- Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Ngọc Kim- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thất xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 269/2019/TLST- HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 02/7/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Nguyễn Đức Q, sinh năm 1974;

Địa chỉ: Thôn X, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1978;

Địa chỉ: Thôn X, xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội.

(Anh Q có mặt, chị N vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Căn cứ vào đơn khởi kiện, các văn bản tiếp theo và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh Nguyễn Đức Q trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 30/9/1998 tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện TT, thành phố Hà Nội. Sau khi đăng ký kết hôn, vợ chồng anh về chung sống cùng bố mẹ đẻ anh tại thôn X xã CN. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2012 và kéo dài căng thẳng đến nay. Quá trình mâu thuẫn thường xuyên vợ chồng to tiếng cãi nhau, đánh nhau, lăng nhục xúc

phạm nhau dẫn đến không khí gia đình ngày càng nặng nề. Từ năm 2016 cho đến nay, anh chị sống ly thân và không còn quan tâm đến nhau nữa. Trong suốt thời gian ly thân chị N thường xuyên sống tại nhà chị gái là Nguyễn Thị D và đi làm ăn. Nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng anh bất đồng quan điểm sống trong sinh hoạt hàng ngày và làm ăn kinh tế, mặc dù gia đình hòa giải nhiều lần nhưng không đạt kết quả. Tình cảm vợ chồng đến nay không còn vì vậy anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh ly hôn với chị Nguyễn Thị N.

Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và triệu tập chị N nhiều lần nhưng chị N không chấp hành mà cố tình trốn tránh gây trở ngại cho việc giải quyết vụ án mặc dù chị N sống ở nhiều nơi trên địa bàn huyện Thạch Thất và cụ thể là nhà chị Nguyễn Thị D.

Về con chung: anh và chị N có hai con chung là cháu Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1999 và cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/11/2003. Hiện cháu A đã thành niên và không bị khuyết nhược về thể chất, tâm thần. Hiện tại cả hai cháu cùng sống với nhau ở Hà Nội và thỉnh thoảng về xin tiền anh. Tuy nhiên, do nghe lời chị N nên các con trốn tránh và không tiếp xúc, làm việc với Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất. Anh đề nghị sau khi ly hôn giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp khối tài sản và nợ chung: Anh Q không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

Đối với bị đơn là chị Nguyễn Thị N: Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất đã triệu tập rất nhiều lần nhưng chị N cố tình trốn tránh không có mặt tại Tòa án để giải quyết vụ án. Tòa án đã xác minh với chính quyền địa phương nơi chị Nga sinh sống. Tại biên bản xác minh ngày 28 tháng 5 năm 2020 đại diện chính quyền thôn cung cấp thông tin: chị N, anh Q phát sinh mâu thuẫn từ khoảng 10 năm nay và ngày càng căng thẳng, bản thân anh chị đã ly thân 7 năm nay không còn quan tâm đến nhau. Anh Q vẫn sống trên đất của bố mẹ để còn chị N về sống cùng gia đình anh trai, chị dâu cũng trên địa bàn xã CN. Thỉnh thoảng chị N vẫn có mặt tại địa phương tuy nhiên không biết vì lý do gì chị N không chấp hành Giấy triệu tập của Tòa án.

Chị N cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ vì vậy Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và lần 2; Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa đối với chị Nguyễn Thị N tại nhà văn hóa thôn 4, Ủy ban nhân dân xã CN và tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về trình tự thủ tục tố tụng thì Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực

hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự đã được đảm bảo quyền, nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa chị N vẫn vắng mặt lần 2 mặc dù được Tòa án triệu tập hợp lệ nên Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình, để xử:

Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Nguyễn Đức Q và chị Nguyễn Thị N.

Về nuôi con chung: Giao cháu cháu Nguyễn Đức Thiện, sinh ngày sinh ngày 12/11/2003 cho anh Nguyễn Đức Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp khối tài sản và nợ chung: Không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị N có Hộ khẩu thường trú tại xã CN, huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội nên anh Nguyễn Đức Q khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất giải quyết ly hôn là đúng thẩm quyền theo Điều 28 và Điều 35 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Nguyễn Thị N để tham gia phiên tòa ngày 16 tháng 7 năm 2020. Tuy nhiên, chị Nga vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay chị Nga vẫn tiếp tục vắng mặt. Hội đồng xét xử tiếp tục xét xử vụ án là phù hợp với điểm b, Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Q và chị Nguyễn Thị N đăng ký kết hôn hợp pháp ngày 30/9/1998 tại Ủy ban nhân dân xã CN, huyện Thạch Thất, thành phố Hà Nội. Quá trình chung sống do vợ chồng không hợp nhau nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn và giai đoạn căng thẳng nhất bắt đầu từ năm 2012 đến nay. Anh Q, chị N sống ly thân từ năm 2016 cho đến nay và không còn quan tâm đến nhau nữa. Anh Q xác định tình cảm vợ chồng đã hết và xin được ly hôn chị Ng.

Chị Nguyễn Thị N cố tình trốn tránh, giấu địa chỉ và không hợp tác để giải quyết vụ án gây rất nhiều trở ngại cho hoạt động điều tra giải quyết vụ án. Tuy nhiên, việc vợ chồng anh chị mâu thuẫn, sống ly thân nhiều năm nay là có thực, được chính quyền địa phương, gia đình xác nhận.

Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa anh Q, chị N đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn tồn tại, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bản thân chị N gây trở ngại cho hoạt động điều tra giải quyết vụ án đã cho thấy ý thức chấp hành pháp luật của chị N rất kém và cũng cho thấy sự thật là chị N không tìm cách hàn gắn tình

cảm vợ chồng để xây dựng hạnh phúc gia đình. Vì vậy, anh Q xin ly hôn chị N là phù hợp Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1999 và Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/11/2003. Hiện cháu A đã thành niên và không bị khuyết nhược về thể chất, tâm thần. Hiện tại cả hai cháu cùng sống với nhau ở Hà Nội và thỉnh thoảng về xin tiền anh. Tuy nhiên, do nghe lời chị N nên các con trốn tránh và không tiếp xúc, làm việc với Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất. Anh Q đề nghị sau khi ly hôn giao cho anh trực tiếp nuôi dưỡng cháu T, không đề nghị chị N cấp dưỡng nuôi con chung.

Xét ý kiến của anh Q là phù hợp. Do vậy, giao cháu Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/11/2003 cho anh Nguyễn Đức Q nuôi dưỡng là phù hợp Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do anh Q không yêu cầu nên tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con sau ly hôn đối với chị Nguyễn Thị N. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp khối tài sản và nợ chung: Anh Q xác định không có và không đề nghị giải quyết trong vụ án này.

Xét thấy: Để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của các đương sự trong vụ án nên không xem xét giải quyết tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp khối tài sản và nợ chung trong vụ án này. Nếu có tranh chấp sẽ được xem xét giải quyết trong vụ án khác.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Anh Nguyễn Đức Q phải chịu 300.000đồng án phí ly hôn sơ thẩm và được trừ vào số tiền đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất.

[6] Về quyền kháng cáo: Căn cứ các điều 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Vì các lý trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Xử:

[1] Về hôn nhân: Anh Nguyễn Đức Q ly hôn chị Nguyễn Thị N.

[2] Về nuôi con chung: Giao con chung là Nguyễn Đức T, sinh ngày 12/11/2003 cho anh Nguyễn Đức Q trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị N cho đến khi có yêu cầu. Chị N có quyền, nghĩa vụ thăm nuôi, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

[3] Về tài sản chung, tài sản riêng, công sức đóng góp khôi tài sản và nợ chung: Không giải quyết trong vụ án này. Nếu có tranh chấp sẽ được giải quyết trong vụ án khác.

[4] Về án phí: Anh Nguyễn Đức Q phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thất theo biên lai số 07067 ngày 10/12/2019.

[5] Về quyền kháng: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Thạch Thất;
- Chi cục THADS huyện Thạch Thất;
- Các đương sự;
- UBND xã CN;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Khuất Đăng Cường

